

Bản án số: 103/2019/DS-ST

Ngày: 05 - 11 - 2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thắm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V; địa chỉ: Số 89 LH, phường L, quận Đ, Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân Đ, sinh năm 1996 – Chuyên viên xử lý nợ Pháp lý tín chấp VP Bank AMC; địa chỉ: Số 69 LHP, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. (Theo văn bản ủy quyền số: 11/2018/UB-HĐQT ngày 02/3/2018 và văn bản ủy quyền lại số: 1046/2019/UQ-VPB ngày 21/02/2019). Ông Đ có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 4, xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố số 11, thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/4/2019 của nguyên đơn và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Xuân Đ trình bày:

Ngày 25/4/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần V, chi nhánh Lạc Quân, Nam Định (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Trần Văn D đã ký hợp đồng tín dụng số LD1712801173 với nội dung: Ông D vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên, lãi suất 31%/năm, mức lãi suất được điều chỉnh trong thời gian vay định kỳ hàng năm là 03 tháng/lần, mục đích vay tiêu dùng, hình thức vay tín chấp. Tiền gốc và lãi được chia 60 kỳ trả nợ, định kỳ trả nợ gốc, nợ lãi 01 tháng/lần. Số tiền trả nợ gốc, nợ lãi hàng kỳ được Ngân hàng thông báo chi tiết cho khách hàng bằng tin nhắn đến số điện thoại của bên vay ghi trong hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng, ngày 08/5/2017, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay chuyển vào tài khoản số 122518687 cho anh Trần Văn D. Trong thời gian vay, anh D đã trả cho Ngân hàng được 45.886.181 đồng bao gồm nợ gốc là 10.822.787 đồng và nợ lãi là 35.063.394 đồng sau đó không tiếp tục thanh toán nữa. Ngân hàng đã thông báo trả nợ nhiều lần nhưng anh D không thực hiện. Toàn bộ số nợ của anh Trần Văn D đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 08/01/2018.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu: Anh Trần Văn D phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí phát sinh liên quan đến Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 367.788.982 đồng bao gồm gốc là 189.177.213 đồng và nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 là 161.450.431 đồng, phạt chậm trả lãi là 17.161.338 đồng. Tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ. Nếu anh D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Trần Văn D trình bày:

Anh công nhận có ký hồ sơ vay tiền Ngân hàng Thương mại cổ phần V ngày 25/4/2017 đúng như nguyên đơn cung cấp. Anh D còn trình bày: Lý do anh ký hồ sơ vay vốn Ngân hàng là do được bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố số 11, thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định nhờ đứng tên vay hộ; bà Q đưa hồ sơ cho anh ký tại nhà bà Q và hứa nếu vay được tiền Ngân hàng sẽ cho vay lại. Anh không trực tiếp gặp nhân viên Ngân hàng, không nhận tiền vay của Ngân hàng, không giữ bất cứ giấy tờ gì về việc vay vốn và thanh toán cho Ngân hàng. Sau đó anh được bà Q cho vay miệng 40.000.000 đồng, có tính lãi 2000đ/triệu/ngày, đến nay anh đã trả nợ xong cho bà Q cả gốc và lãi. Khi anh ký vay tiền Ngân hàng hộ bà Q thì vợ anh là chị Nguyễn Thị H không biết, hiện vợ chồng anh đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân.

Khoảng tháng 12/2017 có nhân viên Ngân hàng tên là N đến tìm anh đòi nợ. Khoảng tháng 02 - 03/2018 anh có đưa cho chị N một lần số tiền 6.700.000 đồng để nộp hộ cho Ngân hàng, nay anh không liên lạc được với chị N và không biết địa chỉ của chị N ở đâu. Từ đó không thấy có cán bộ Ngân hàng gặp anh đòi nợ nữa. Anh không đồng ý trả nợ Ngân hàng vì anh chỉ vay hộ bà Nguyễn Thị Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Trần Văn D trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền gốc và lãi tính đến ngày 05/11/2019 là 367.788.982 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn D, người làm chứng bà Nguyễn Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng trên là phù hợp pháp luật.

[2] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Trần Văn D phải thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi, phạt chậm trả lãi theo hợp đồng tín dụng số LD1712801173 ngày 25/4/2017 là 367.788.982 đồng bao gồm gốc là 189.177.213 đồng và nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 là 161.450.431 đồng, phạt chậm trả lãi là 17.161.338 đồng. Anh Trần Văn D công nhận có ký hợp đồng vay vốn Ngân hàng Thương mại cổ phần V ngày 25/4/2017 nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng tín dụng ngày 25/4/2017 là có thật.

[3] Anh Trần Văn D cho rằng anh được bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố số 11, thị trấn Thịnh Long, huyện hải Hậu, tỉnh Nam Định nhờ đứng tên vay tiền hộ bà Q, hồ sơ vay tiền Ngân hàng là do bà Q đưa cho anh ký, anh không trực tiếp giao dịch với nhân viên Ngân hàng, không được Ngân hàng giao hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng, không được nhận tiền vay của Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị Q tham gia tố tụng theo địa chỉ do bị đơn cung cấp, đồng thời giao trách nhiệm cho anh D thông báo cho bà Q đến Tòa án trình bày ý kiến nhưng bà Q đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Q. Đại diện của nguyên đơn cũng không thừa nhận có giao dịch với bà Nguyễn Thị Q. Đến nay anh Trần Văn D không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc anh ký hợp đồng tín dụng vay vốn Ngân hàng Thương mại cổ phần V ngày 25/4/2017 là do được bà Nguyễn Thị Q nhờ đứng tên và anh không nhận được tiền vay, trong khi chính anh thừa nhận có một lần đưa số tiền 6.700.000 đồng vào thời gian khoảng tháng 02 – tháng 3/2019 cho một nhân viên VP Bank tên là N đến nhà anh đòi nợ để nhờ chị N nộp hộ cho Ngân hàng. Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở xác định anh Trần Văn D đã ký hợp

đồng tín dụng ngày 25/4/2017 vay tiền Ngân hàng TMCP V với số tiền 200.000.000 đồng và đã được Ngân hàng giải ngân tiền vay ngày 08/5/2017 chuyển vào tài khoản số 122518687 cho anh Trần Văn D nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Trường hợp nếu anh D và bà Q có thỏa thuận về việc nhận sử dụng tiền vay Ngân hàng thì cũng là giao dịch dân sự riêng, các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có tranh chấp.

[4] Về việc trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn D không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền gốc, lãi đã trả nợ Ngân hàng, chỉ khai có một lần nộp 6.700.000 đồng thông qua một nhân viên Ngân hàng. Theo các tài liệu do Ngân hàng cung cấp thì anh D đã được giải ngân toàn bộ tiền vay là 200.000.000 đồng ngày 08/5/2019, anh D mới thanh toán được tiền gốc là 10.822.787 đồng, tiền lãi là 35.063.394 đồng; hiện còn nợ Ngân hàng là 367.788.982 đồng bao gồm gốc là 189.177.213 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/11/2019) là 161.450.431 đồng, phạt chậm trả lãi là 17.161.338 đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo thỏa thuận hợp đồng và phải chịu phạt chậm trả lãi là phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Trần Văn D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với anh Trần Văn D.

2. Buộc anh Trần Văn D phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền là 367.788.982đ (ba trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn chín trăm tám mươi hai đồng), gồm nợ gốc là 189.177.213 đồng và nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 là 161.450.431 đồng, phạt chậm trả lãi là 17.161.338 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trong trường hợp anh Trần Văn D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Trần Văn D phải nộp 18.389.000đ (mười tám triệu ba trăm tám mươi chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000501 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- Đương sự: 02 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên